

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN MT Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH VĨNH LONG

Bản án số: 113/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 20 – 9 - 2022

“ V/v Xin ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Đình Cường

2/ Ông Nguyễn Thành Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thủy

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MT không tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở TAND huyện MT xét xử công khai vụ án thụ lý số: 103/2022/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 4 năm 2022, về việc tranh chấp: “*Xin ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 08 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Bùi Văn T, sinh năm 1985 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp TB, xã TL, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Chị Lê Thị Minh T1, sinh năm 1988 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp TB, xã TL, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Bùi Văn T trình bày: anh và chị Lê Thị Minh T1 tự tìm hiểu được gia đình cha mẹ hai bên chấp thuận đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã TL, huyện MT vào ngày 26/10/2007.

Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc tại nhà chồng ở xã TL, huyện MT. Đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do chị T1 sống không chung thủy, có mối quan hệ bất chính

với người khác. Từ đó tình cảm vợ chồng không còn hợp nhau, không có tiếng nói chung, thường xuyên cự cãi bất đồng quan điểm. Gia đình cha mẹ hai bên nhiều lần khuyên can hòa giải để vợ chồng đoàn tụ cùng chăm lo cho con, nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không khắc phục được nên anh T và chị T1 đã sống ly thân với nhau cuối năm 2021 đến nay, mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lê Thị Minh T1.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Bùi Khánh L, sinh ngày 06/7/2008 và Bùi Hoàng K, sinh ngày 22/4/2010, do anh trực tiếp nuôi dưỡng, sau khi ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung Khánh L và Hoàng K, chưa yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về quyền và nghĩa vụ về tài sản chung, nợ phải thu, phải trả: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Con chung trên 07 tuổi của nguyên đơn và bị đơn Bùi Khánh L và Bùi Hoàng K trình bày: Khánh L và Hoàng K là con của cha Bùi Văn T và mẹ Lê Thị Minh T1. Khi cha T và mẹ T1 ly hôn nguyện vọng Khánh L và Hoàng K xin sống với cha (anh T).

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thông báo cho chị Lê Thị Minh T1 biết việc thụ lý vụ án cũng như các yêu cầu khởi kiện của anh T, nhưng chị T1 không có văn bản trả lời, không có yêu cầu phản tố và vắng mặt tại các phiên hòa giải, công khai chứng cứ, các phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do đó Tòa án không tiến hành ghi lời khai của bị đơn và hòa giải cho các đương sự được.

Tại phiên tòa nguyên đơn anh Bùi Văn T trình bày: Vẫn bảo lưu yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với chị T1, được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, chưa yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Lê Thị Minh T1 vắng mặt không rõ lý do.

Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo luật định hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng bị đơn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Văn T và chị Lê Thị Minh T1 qua tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 09 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị T1 là hợp pháp. Năm 2021 trong quá trình vợ chồng chung sống có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Cha mẹ hai bên nhiều lần hòa giải để vợ

chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả, anh T và chị T1 đã sống ly thân với nhau từ cuối năm 2021 đến nay, mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay anh T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu được ly hôn với chị Lê Thị Minh T1.

Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị T1 đều vắng mặt không có lý do, chị T1 không đến phiên tòa và không nhận các Quyết định của Tòa án, thể hiện chị T1 từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình. Anh T và chị T1 đã sống ly thân từ cuối năm 2021 đến nay, thể hiện tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh T được ly hôn với chị T1 là phù hợp.

[3] Về Con chung: Giao 02 cháu Bùi Khánh L, sinh ngày 06/7/2008 và Bùi Hoàng K, sinh ngày 22/4/2010 cho anh Bùi Văn T trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của Khánh L và Hoàng K là phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chưa yêu cầu nên không giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ phải thu, nợ phải trả: chưa yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: anh Bùi Văn T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 2 Điều 227; 228; các Điều 266; 267 của Luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 09, 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn anh Bùi Văn T .

1/ Về quan hệ hôn nhân: anh Bùi Văn T được ly hôn với chị Lê Thị Minh T1.

2/Về nuôi con chung: Giao 02 con chung tên Bùi Khánh L, sinh ngày 06/7/2008 và Bùi Hoàng K, sinh ngày 22/4/2010 cho anh Bùi Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Các đương sự có quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3/ Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chưa yêu cầu nên không xem xét.

4/ Quyền và nghĩa vụ về tài sản chung, nợ phải thu, nợ phải trả: Chưa yêu cầu, nên không xem xét.

5/ Về án phí: Buộc anh Bùi Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0007026 ngày 05/4/2022. Anh T đã nộp xong không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6/ Báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện MT;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- THADS huyện MT;
- UBND xã TL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
Đã ký

Huỳnh Thị Linh

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MT
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Ngày 20 tháng 9 năm 2022

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện MT, tỉnh Vĩnh Long

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Linh

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Nguyễn Đình Cường

2. Ông Nguyễn Thành Long

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 103/2022/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 4 năm 2022 về “*Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con*” giữa:

- Nguyên đơn: Anh Bùi Văn T, sinh năm 1985 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp TB, xã TL, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

- Bi đơn: Chị Lê Thị Minh T1, sinh năm 1988 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp TB, xã TL, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU⁽⁹⁾

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 2 Điều 227; 228; các Điều 266; 267 của Luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 09, 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn anh Bùi Văn T .

1/ Về quan hệ hôn nhân: anh Bùi Văn T được ly hôn với chị Lê Thị Minh T1.

2/ Về nuôi con chung: Giao 02 con chung tên Bùi Khánh L, sinh ngày 06/7/2008 và Bùi Hoàng K, sinh ngày 22/4/2010 cho anh Bùi Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Các đương sự có quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3/ Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chưa yêu cầu nên không xem xét.

4/ Quyền và nghĩa vụ về tài sản chung, nợ phải thu, nợ phải trả: Chưa yêu cầu, nên không xem xét.

5/ Về án phí: Buộc anh Bùi Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0007026 ngày 05/4/2022. Anh T đã nộp xong không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6/ Báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Kết quả biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Thành Viên Hội Đồng Xét Xử

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đình Cường Nguyễn Thành Long

Huỳnh Thị Linh